TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28/5/2021
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Chung Thị Ngọc.
2. Bà Lâm Lệ Oanh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 190/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2020 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích C, năm sinh 1993. (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Ng, xã Th, thành phố H, Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Th, sinh năm 1990. (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 06, Khu phố B, phường T, thành phố H, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích C trình bày: Bà và ông Trần Văn Th kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Th, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/02/2012. Trong cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên cải nhau, từ tháng 10/2020 ông Th dọn về nhà cha mẹ ruột sinh sống, đến ngày 01/11/2020 bà và ông Th đồng thuận ly hôn nên có làm yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nhưng ông Th không đến Tòa để làm thủ tục yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn. Ông bà không còn chung sống cùng nhau đã hơn 06 tháng nay. Hiện nay không thể

hàn gắn để đoàn tụ về chung sống với nhau và nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Quá trình chung sống có một con chung tên Trần Minh Kh, giới tính nam, sinh ngày 04/12/2018. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Về quan hệ hôn nhân: áp dụng Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận cho bà C ly hôn với ông Th. Về con chung: Áp dụng khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc không yêu cầu cấp dưỡng của bà C. Về phần tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu xem xét. Án phí: Buộc bà C chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử ghi nhận tất cả ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Trong vụ án này bị đơn ông Trần Văn Th đang cư trú và sinh sống tại Khu phố B, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong thời gian thụ lý giải quyết, ông Trần Văn Th đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên hợp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ mà ông Th vắng mặt, ngày 28/4/2021 Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và ghi nhận ý kiến của bà C, bà C vẫn giữ

nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông Th. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vào ngày 14/5/2021 nhưng bị đơn là ông Th vắng mặt lần thứ nhất không lý do nên phiên tòa phải hoãn và ấn định xét xử lại vào ngày hôm nay là ngày 28/5/2021 theo quyết định hoãn phiên Tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2021, ông Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên Tòa lần 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Bích C và ông Trần Văn Th kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Th, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/02/2012. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thụ lý giải quyết và tại Phiên Tòa hôm nay bà C vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện là xin ly hôn, ông Th đã được Tòa án thông báo thụ lý, triệu tập ghi nhận ý kiến và hòa giải nhiều lần, nhưng ông Th đều vắng mặt, theo ông Trần Văn M là cha ruột của ông Th, ông Th có biết việc Tòa án thụ lý và triệu tập ông Th đến Tòa, nhưng ông Th không ý kiến, hiện nay ông Th có hộ khẩu thường trú chung hộ khẩu với ông M nhưng ông Th ít khi về nhà do bận đi ghe biển. Xét thấy hôn nhân của bà C, ông Th phát sinh mâu thuẫn từ đầu tháng 10/2020, ông Th đã về nhà cha mẹ ruột tại Khu phố B, phường T sinh sống từ tháng 10/2020 cho đến nay, tháng 11/2020 ông bà có làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng ông Th không đến Tòa để làm thủ tục yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn của ông bà nên bà C làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Th. Qua xác minh của Tòa án tại địa phương cho thấy bà C có đăng ký thường trú và sinh sống tại ấp Ng, xã Th, hiện nay bà C vẫn còn sinh sống tại địa phương, ông Th hiện nay không có sinh sống tại địa phương. Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*". Qua trình bày của nguyên đơn và kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương cho thấy bà C, ông Th hiện nay không còn chung sống cùng nhau, ông Th có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng ông Th không nộp đến Tòa, từ đó đến nay ông bà không có biện pháp khắc phục để chung sống mang lại hạnh phúc lâu dài. Vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc nhau, không ai quan tâm ai, mỗi người có cuộc sống riêng, hôn nhân của bà C, ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nghị cần chấp nhận cho bà C được ly hôn với ông Th.

[4] Về con chung: Ông bà có một con chung tên Trần Minh Kh, giới tính nam, sinh ngày 04/12/2018, hiện nay con đang sống cùng bà C, khi ly hôn bà C yêu cầu được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành. Xét thấy hiện nay con chung của ông bà đang sống cùng bà C, từ nhỏ do bà C chăm sóc nên việc bà C tiếp tục nuôi

dưỡng, chăm sóc con là tạo điều kiện cho cháu Kh phát triển về mọi mặt. Áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nghị cần giao con chung cho bà C nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà C không yêu cầu ông Th cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C trình bày không có tài sản chung, nợ chung, ông Th thì không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà C khởi kiện nên phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Bích C với ông Trần Văn Th.

- Về con chung: Giao cháu Trần Minh Kh, giới tính nam, sinh ngày 04/12/2018 cho bà Nguyễn Thị Bích C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà C không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Bà C cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà C trình bày không có tài sản chung, nợ chung, ông Th thì không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích C phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0009217 ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, nay bà C không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giang Phước Thành

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh KG;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang*
- *VKSND thành phố H;*
- *Chi cục THADS thành phố H;*
- *UBND xã Th;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*